

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn  
tỉnh Vĩnh Long thuê đất**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình số 242/TTr-STNMT; Tờ trình số 243/TTr-STNMT; Tờ trình số 244/TTr-STNMT; Tờ trình số 245/TTr-STNMT; Tờ trình số 246/TTr-STNMT; Tờ trình số 247/TTr-STNMT; Tờ trình số 248/TTr-STNMT; Tờ trình số 249/TTr-STNMT; Tờ trình số 250/TTr-STNMT; Tờ trình số 251/TTr-STNMT ngày 17 tháng 01 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 63, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền hàng năm đối với các thửa đất sau:

1. Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 37, diện tích 364,2m<sup>2</sup> (trong đó có 26,6m<sup>2</sup> thuộc hành lang an toàn đường bộ), tại xã Đông Bình, thị xã Bình Minh để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 995/2022 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 27/12/2022.

2. Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 13, diện tích  $224\text{m}^2$ , tại xã Trung Chánh, huyện Vũng Liêm để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 19/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

3. Thửa đất số 212, tờ bản đồ số 10, diện tích  $295,5\text{m}^2$  (trong đó có  $70\text{m}^2$  thuộc hành lang an toàn đường bộ), tại xã Long Phước, huyện Long Hồ để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 23/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

4. Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 15, diện tích  $392,2\text{m}^2$ , tại xã Trà Côn, huyện Trà Ôn để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 25/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

5. Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 14, diện tích  $342,6\text{m}^2$ , tại xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 22/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

6. Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 19, diện tích  $336\text{m}^2$ , tại xã Long An, huyện Long Hồ để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 27/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

7. Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 44, diện tích  $395\text{m}^2$ , tại xã Đông Thành, thị xã Bình Minh để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 21/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

8. Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 32, diện tích  $639,7\text{m}^2$ , tại xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 24/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

9. Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 18, diện tích  $306,6\text{m}^2$ , tại xã Bình Phước, huyện Mang Thít để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 26/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

10. Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 22, diện tích 305,7m<sup>2</sup>, tại xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm để sử dụng theo hiện trạng nhà máy nước, loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

Vị trí và ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 20/2023 do Văn phòng Đăng ký Đất đai lập ngày 06/01/2023.

11. Thời hạn và hình thức thuê đất

Thời hạn thuê đất: 50 năm (kể từ ngày 01/7/2014 đến hết ngày 01/7/2064 theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật Đất đai).

Hình thức thuê đất: trả tiền hàng năm.

Tiền thuê đất tính kể từ ngày 01/7/2014 (theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Luật Đất đai).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế tỉnh triển khai thu tiền thuê đất theo đúng quy định của pháp luật; Thông báo cho tổ chức được thuê đất, nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Ký hợp đồng thuê đất với tổ chức được thuê đất tại Điều 1 theo đúng quy định;

3. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;

4. Chinh lý hồ sơ địa chính;

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Vĩnh Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Long Hồ, Vũng Liêm, Trà Ôn, Mang Thít, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bình Minh, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện huyện Long Hồ, Vũng Liêm, Trà Ôn, Mang Thít, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã Đông Bình, Mỹ Hòa, Đông Thành, Long Phước, Long An, Trung Chánh, Hiếu Thành, Trà Côn, Hựu Thành, Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Phòng KTNV;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, 4.08.04.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**